

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 07/11/2019

V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Văn Vinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Ngư**

2. Ông **Trương Thoại Lượng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lưu Thị Thúy Vy**, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên họp: Bà **Huỳnh Mộng Kiều**- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2019/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 5 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 25/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2019/QĐST- HNGĐ ngày 18/10/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1984 (*có mặt*).

Địa chỉ số: Ấp N, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Ông **Lê Văn P**, sinh năm 1981 (*vắng mặt*).

Địa chỉ số: Ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/4/2019; cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày:

Bà Q và ông P tổ chức đám cưới năm 2004, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M (nay là huyện C), tỉnh Sóc Trăng.

Thời gian đầu bà Q và ông P chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống.

Từ đó ông P về nhà cha mẹ ruột sống tại ấp X, xã H, huyện M (nay là huyện C), tỉnh Sóc Trăng và ông P bỏ nhà đi cho đến nay, mặc dù bà Q có liên hệ với bên chồng để tìm kiếm ông P về sum họp với gia đình, nhưng không ai biết ông P đi đâu và làm gì.

Sau đó bà Q có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố mất tích đối với ông Lê Văn P, sinh năm 1981, Tòa án đã ban hành Quyết định thông báo tìm kiếm ông Lê Văn P trên báo và Đài phát thanh của Trung ương theo quy định của pháp luật, nhưng cũng không có tin tức gì về ông Lê Văn P và Tòa án đã tuyên bố ông Lê Văn P mất tích từ ngày 21/3/2019.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Vĩnh L, sinh ngày 30/12/2004.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Nay bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Lê Văn P.

Về con chung: Khi ly hôn bà xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Vĩnh L, sinh ngày 30/12/2004, không yêu cầu ông P cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Do ông P đã được Tòa án tuyên bố mất tích, nên Tòa án tiến hành giải quyết theo thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án trên không tiến hành hòa giải được áp dụng Điều 207; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; tiến hành xét xử vắng mặt ông P.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Q và ông P là quan hệ hợp pháp. Qua quá trình chung sống do hai bên bất đồng về quan điểm sống ông P bỏ nhà đi, Căn cứ quyết định số: 01/2019/QĐST- VDS ngày 21/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng đã tuyên bố ông Lê Văn P mất tích, quyết định này đã có hiệu lực pháp luật và đến ngày Tòa án mở phiên Tòa xét xử ông Lê Văn P vẫn vắng mặt. Do đó căn cứ khoản 2, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Q được ly hôn với ông P là có căn cứ.

[4] Về con chung: Bà Q có nguyện vọng được nuôi con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, ông P từ khi thụ lý, hòa giải, cũng như tại phiên Tòa hôm nay đều vắng mặt, không có ý kiến trình bày gì đối với việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung; mặt khác Căn cứ quyết định số: 01/2019/QĐST- VDS ngày 21/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng đã tuyên bố ông Lê Văn P mất tích. Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 27/8/2019 cháu Nguyễn Vĩnh L trình bày nguyện vọng, nếu cha mẹ ly hôn cháu xin được ở với mẹ, nên Hội đồng xét xử, căn cứ vào khoản 2, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của bà Q, giao cháu Nguyễn Vĩnh L, sinh ngày 30/12/2004 cho bà Q được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Q không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 án phí và lệ phí Tòa án bà Q phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân.

[8] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án àn cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q đối với bị đơn ông Lê Văn P về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con", nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q được ly hôn với bị đơn ông Lê Văn P; giao cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng một con chung tên Nguyễn Vĩnh L, sinh ngày 30/12/2004 và bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 207; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Khoản 2, Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q.

- *Về hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Q được ly hôn với người bị tuyên bố mất tích là ông Lê Văn P.

- *Về con chung:* Giao con chung tên Nguyễn Vĩnh L, sinh ngày 30/12/2004 cho bà Q được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Q không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Ông Lê Văn P được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000đ, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0006839, ngày 17/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C; bà Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện CT;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Vinh

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Châu Thành, ngày 07 tháng 11 năm 2019

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào ngày 07 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ngự

2. Ông Trương Thoại Lương

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 111/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019 về việc “Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con” giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Quyên

Bị đơn: Ông Lê Văn Phú

Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Sau khi thảo luận, HĐXX biểu quyết 3/3 thống nhất với các nội dung phán quyết sau đây:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 207; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Khoản 2, Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Quyên.

- *Về hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Quyên được ly hôn với người bị tuyên bố mất tích là ông Lê Văn Phú.

- *Về con chung:* Giao con chung tên Nguyễn Vĩnh Lộc, sinh ngày 30/12/2004 cho bà Quyên được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Bà Quyên không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Ông Lê Văn Phú được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- *Về tài sản chung:* Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- *Về nợ chung:* Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm:* Bà Nguyễn Thị Quyên phải chịu 300.000đ, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0006839, ngày 17/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành; bà Quyên đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn

kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút, ngày 07 tháng 11 năm 2019

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Vinh

